

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2023/DS-PT
Ngày 13-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
trả tiền hùn thuê mặt bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những
Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, trả tiền hùn thuê mặt bằng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 613/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* bà Lê Thị K, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.
- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, trong biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2023 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 25/3/2022, bà T có cho bà K vay số tiền là 6.000.000đồng, lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng tiền lãi là 900.000đ/01 tháng của số tiền gốc đã vay là 6.000.000đồng, thỏa thuận 10 ngày phải trả lãi 01 lần. Thời hạn trả nợ gốc thì

hai bên không xác định cụ thể, nhưng phải trả lãi theo đúng thời gian thỏa thuận. Khoản vay 6.000.000đồng này từ khi vay cho đến nay thì bà K chưa trả cho bà T bất kỳ khoản nợ gốc và nợ lãi nào.

Đến ngày 25/8/2022, bà T có cho bà K vay tiếp số tiền 3.000.000đồng để mua đồ bán, nhưng không có làm giấy tờ gì, khoản tiền vay này hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Về thời hạn trả, hai bên có thỏa thuận là trả trong tháng 8/2022, nhưng đến nay bà K vẫn chưa trả.

Ngoài ra, bà T còn xác định vào ngày 19/8/2022, bà T và bà K có hùn thuê mặt bằng của ông Tư T1 (Nhà nghỉ G, xã K) để mở quán bán ăn uống với giá thuê là 3.000.000đ/01 tháng, bà T và bà K thỏa thuận mỗi người chịu ½ tiền thuê là 1.500.000đồng. Bà T là người đã trực tiếp đứng ra trả số tiền thuê 3.000.000đồng cho ông Tư T1 (Nhà nghỉ G, xã K), nhưng sau đó bà K không chịu thanh toán lại cho bà T khoảng tiền 1.500.000đồng tiền thuê mặt bằng như thỏa thuận, dù bà K có sử dụng mặt bằng trên được 01 tháng.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K phải trả số tiền đã vay vào ngày 25/3/2022 gồm: tiền gốc vay là 6.000.000đồng, tiền lãi vay tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/02/2023 theo mức lãi suất 150.000đ/01 triệu đồng/01 tháng, thành tiền lãi là 9.900.000đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi của khoản vay này là 15.900.000đồng. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K trả lại khoản tiền 3.000.000đồng đã vay ngày 25/8/2022 và khoản tiền 1.500.000đồng hùn thuê mặt bằng mà bà T đã đứng ra trả thay cho bà K vào ngày 19/8/2022, các khoản này bà T không yêu cầu tính lãi.

Trong văn bản ngày 11/5/2023, bị đơn bà Lê Thị K trình bày:

Bà K không thống nhất với đơn khởi kiện của bà T. Bà K xác định chỉ nợ bà T với tổng số tiền là 6.000.000đồng, chứ không phải là 20.000.000đồng.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng do phía bị đơn vắng mặt nên Toà án cấp sơ thẩm không hoà giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền gốc đã vay theo biên nhận nợ ngày 25/3/2022 là 6.000.000đồng, khoản tiền lãi từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/02/2023 (11 tháng) là 1.095.600đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 7.095.600đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T liên quan đến việc yêu cầu bà Lê Thị K phải trả các khoản tiền sau: Khoản tiền lãi là 8.804.400đồng, khoản tiền 3.000.000đồng đã mượn ngày 25/8/2022, khoản tiền 1.500.000đồng hùn thuê mặt bằng.

4. Về án phí sơ thẩm: buộc bà Lê Thị K phải nộp số tiền 354.780đồng án phí sung Ngân sách Nhà nước. Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị T, hoàn lại cho bà T khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 510.000đồng theo biên lai thu số 0004488 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà K thanh toán số tiền lãi là 8.804.400đồng, 3.000.000đồng tiền vay và 1.500.000đồng tiền thuê mặt bằng.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà Lê Thị K thanh toán tiền lãi của số tiền vay 6.000.000đồng theo mức lãi suất thoả thuận, yêu cầu bà K hoàn trả 3.000.000đồng tiền vay vào ngày 25/8/2022 và tiền hùn thuê mặt bằng là 1.500.000đồng. Bị đơn bà Lê Thị K vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Kiểm sát viên phân tích các căn cứ cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Lê Thị K vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K thanh toán số tiền 6.000.000đồng đã vay vào ngày 25/3/2022 cùng tiền lãi 9.900.000đồng và 3.000.000đồng tiền vay vào ngày 25/8/2022. Ngoài ra bà T còn yêu cầu bà K trả lại số tiền 1.500.000đồng là số tiền bà T cho rằng đã trả thay bà K khi hùn thuê mặt bằng mà bà T đã thanh toán cho ông Tư T1. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà K thanh toán cho bà T 6.000.000đồng cùng tiền lãi

theo mức lãi suất 1,66%/tháng trong 11 tháng, không chấp nhận các yêu cầu còn lại của phía nguyên đơn nên bà T kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T yêu cầu bà K trả thêm số tiền lãi là 8.804.400đồng thấy rằng:

Căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 25/3/2022, Toà án cấp sơ thẩm xác định bà K có vay của bà T số tiền 6.000.000đồng vào ngày 25/3/2022 với mức lãi suất là 15%/tháng là vượt mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Toà án cấp sơ thẩm đã điều tiết lại mức lãi suất là 1,66%/tháng (20%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bà T kháng cáo yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bà K thanh toán 3.000.000đồng tiền vay vào ngày 25/8/2022 và tiền hùn thuê mặt bằng 1.500.000đồng thấy rằng, tại phiên toà phúc thẩm, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Bà T cho rằng, bà K là người trực tiếp đứng ra lập hợp đồng thuê mặt bằng với ông Nguyễn Hoàng T1 và có ghi biên nhận nợ, tuy nhiên trong hợp đồng thuê kiot vào ngày 01/9/2022, chỉ có bên cho thuê là ông Nguyễn Hoàng T1 ký tên, còn bên thuê thì để trống (BL 75), còn người xác nhận có thuê nhà của ông T1 là bà T (BL 74) không phải là bà K.

[6] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí phúc thẩm: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên xem xét miễn án phí cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T khoản tiền gốc đã vay theo biên nhận nợ ngày 25/3/2022 là 6.000.000đồng, khoản tiền lãi từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/02/2023 (11 tháng) là 1.095.600đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 7.095.600đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T liên quan đến việc yêu cầu bà Lê Thị K phải trả các khoản tiền sau: Khoản tiền lãi là 8.804.400đồng, khoản tiền 3.000.000đồng đã mượn ngày 25/8/2022, khoản tiền 1.500.000đồng hùn thuê mặt bằng.

4. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị K phải chịu số tiền 354.780đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị T, hoàn lại cho bà T khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 510.000đồng theo biên lai thu số 0004488 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga